

Số: /QĐ-UBND

Tứ Kỳ, ngày tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng  
xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ đến năm 2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tứ Kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Hải Dương Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Tờ trình số 249/TTr-KT&HT ngày 21 tháng 12 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ đến năm 2030 (*Hồ sơ do Trung tâm Quy hoạch đô thị và nông thôn lập, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện thẩm định, trình duyệt*) với nội dung chính sau:

**I. Hồ sơ:**

- Tên gọi: Quy hoạch chung xây dựng xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ đến năm 2030;
- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ;
- Cơ quan tư vấn lập quy hoạch: Trung tâm Quy hoạch đô thị và nông thôn -

Sở Xây dựng tỉnh Hải Dương;

- Hồ sơ gồm: 09 bản vẽ quy hoạch, Thuyết minh tổng hợp, Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch và các văn bản kèm theo.

## **II. Nội dung của đồ án quy hoạch:**

### **1. Vị trí, quy mô quy hoạch**

Xã Minh Đức nằm giáp khu vực trung tâm huyện Tứ Kỳ; vị trí, ranh giới có tiếp giáp, cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp thị trấn Tứ Kỳ;
- Phía Đông giáp xã Văn Tố và xã Phượng Kỳ;
- Phía Nam giáp huyện Ninh Giang;
- Phía Tây giáp xã Quang Khải.

Phạm vi khu vực lập quy hoạch là toàn bộ địa giới hành chính của xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Tổng diện tích khu vực lập quy hoạch: 1.260,46 ha; bao gồm 07 thôn: Vạn Tải, Trúc Vãn, Mép, Sự, Cự Lộc, Phúc Lâm và Quán.

### **2. Mục tiêu của đồ án**

- Cụ thể hóa Quy hoạch vùng huyện Tứ Kỳ đến năm 2030, định hướng đến năm 2050;

- Xây dựng và phát triển xã Minh Đức đạt tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, làm cơ sở để phát triển thành đô thị loại V, góp phần vào sự phát triển chung của huyện Tứ Kỳ;

- Xây dựng xã Minh Đức phát triển bền vững theo định hướng đô thị; có sức hấp dẫn lớn về môi trường đầu tư, có tính cạnh tranh cao trên một số lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp sạch; phát triển bền vững hài hòa với môi trường; giữ vai trò tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của vùng trung tâm huyện Tứ Kỳ;

- Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã; xác định quy mô dân số, tính chất, nhu cầu đất ở cho các khu dân cư mới;

- Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ. Xác định vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ xã và các thôn;

- Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới và các thôn cũ. Xác định các chỉ tiêu quy hoạch, định hướng kiến trúc cho từng loại hình phù hợp với đặc điểm của địa phương;

- Định hướng tổ chức các khu vực phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại tập trung; khu vực phát triển nông nghiệp và phục vụ sản xuất nông nghiệp;

- Định hướng tổ chức các khu chức năng đặc thù trên địa bàn xã;

- Làm cơ sở, tạo hiệu quả sử dụng quỹ đất, để thu hút đầu tư xây dựng phát triển khu dân cư và triển khai lập quy hoạch chi tiết xây dựng;

- Tăng cường quản lý, thu hút đầu tư; tạo nguồn nhân lực; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội hoàn chỉnh đồng bộ và hiện đại;

- Làm cơ sở pháp lý để quản lý xây dựng theo quy hoạch, quản lý kết nối các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn, tạo tiền đề để triển khai các dự án khả thi, tiền khả thi.

### **3. Quy mô dân số**

- Dân số hiện trạng xã Minh Đức là 13.421 người; cư trú tại các thôn: Vạn Tải, Trúc Văn, Mép, Sự, Cự Lộc, Phúc Lâm và Quàn, phân bố khá đồng đều trên toàn bộ diện tích hành chính của xã;

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên được xác định là 0,9%. Dự báo tăng dân số tự nhiên, tăng cơ học và quy đổi cụ thể:

+ Dự báo tăng dân số cơ học đến năm 2030 là: 4.000 người;

+ Dự báo tăng dân số tự nhiên đến năm 2030 là: 1.258 người.

- Đến năm 2030, tổng quy mô dân số ước đạt: 18.679 người.

### **4. Quy hoạch không gian**

Trên cơ sở nhu cầu thực tế, các số liệu khảo sát, đánh giá hiện trạng và rà soát quy hoạch vùng huyện Tứ Kỳ, thống nhất đề xuất cơ cấu tổ chức không gian quy hoạch như sau:

- Xã Minh Đức phát triển chủ yếu dọc theo tuyến đường Tỉnh 392 và tuyến đường trục xã, từ đó phát triển ra, với các khu chức năng gồm: Hành chính, công cộng, giáo dục, dân cư mới, công nghiệp và dịch vụ;

- Hình thành trục cảnh quan trung tâm làm điểm nhấn toàn xã; trong đó sử dụng tuyến đường xã là trục dẫn hướng cảnh quan;

- Hệ thống giao thông: Quy hoạch mới tuyến tránh đường Tỉnh 392 đấu nối với đường Tỉnh 392 tại Km33+500, đi thị trấn Tứ Kỳ và đấu nối với đường Tỉnh 391 tại Km19+790; hiện trạng tuyến đường Tỉnh 392 có phía Đông - Bắc đi thị trấn Tứ Kỳ và phía Tây - Nam đi huyện Ninh Giang, được xác định là tuyến đường đối ngoại kết nối liên vùng, tạo động lực cho xã Minh Đức phát triển kinh tế - xã hội. Cải tạo, mở rộng đường Huyện 191M, các trục đường xã, các tuyến đường trục thôn, xóm. Các khu hạ tầng kỹ thuật bố trí đảm bảo an toàn, hợp vệ sinh môi trường;

- Các không gian trồng, khu công viên cây xanh, thể dục, thể thao đan xen trong các khu dân cư, tạo thuận lợi về giao lưu văn hoá, sinh hoạt cộng đồng dân cư;

- Các khu vực chức năng khác vẫn giữ nguyên và là nguồn đất dự trữ cho phát triển sau này.

### **5. Phân khu chức năng và quy hoạch sử dụng đất**

a) Quy hoạch tổng thể phân khu chức năng gồm: Đất ở dân cư; đất công cộng; đất cây xanh, thể dục, thể thao; đất tôn giáo, di tích, đình, đền; đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, bến bãi; đất xây dựng các chức năng khác; đất hạ tầng kỹ thuật; đất có mặt nước chuyên dùng và đất dự trữ phát triển.

b) Quy hoạch sử dụng đất:

Trên cơ sở quy hoạch tổng thể phân khu chức năng; các chỉ tiêu sử dụng đất được xác định theo bảng cơ cấu quy hoạch sử dụng đất sau:

Bảng cơ cấu quy hoạch sử dụng đất

STT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng		Tăng/ giảm (ha)	Quy hoạch	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
<b>Tổng diện tích đất tự nhiên</b>		<b>1.260,46</b>	<b>100</b>	<b>0,00</b>	<b>1.260,46</b>	<b>100</b>
<b>I</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>895,49</b>	<b>71,04</b>	<b>-199,52</b>	<b>695,97</b>	<b>55,22</b>
1	Đất sản xuất nông nghiệp	825,87	65,46	-209,62	616,25	48,88
1.1	Đất trồng lúa	706,60	56,06	-237,00	469,60	37,26
1.2	Đất trồng cây lâu năm	118,50	9,40	28,15	146,65	11,63
1.3	Đất trồng cây hằng năm khác	0,77	0,06	-0,77	0,00	0,00
2	Đất nuôi trồng thủy sản	69,62	5,52	-11,89	57,73	4,58
3	Đất nông nghiệp khác	0,00	0,00	21,99	21,99	1,75
<b>II</b>	<b>Đất xây dựng</b>	<b>295,62</b>	<b>23,45</b>	<b>216,68</b>	<b>512,30</b>	<b>40,63</b>
1	Đất ở	93,52	7,42	29,90	123,42	9,79
1.1	Đất khu ở hiện trạng (cả ao, vườn)	93,52	7,42	-4,60	88,92	7,05
1.2	Đất ở mới	0,00	0,00	34,50	34,50	2,74
2	Đất công cộng	7,77	0,62	2,33	10,10	0,79
2.1	Đất trụ sở cơ quan	1,19	0,09	-0,07	1,12	0,09
2.2	Đất y tế	0,27	0,02	-0,06	0,21	0,02
2.3	Đất giáo dục	4,32	0,34	0,83	5,15	0,41
2.4	Đất văn hóa	0,90	0,07	0,15	1,05	0,08
2.5	Đất công cộng	0,00	0,00	0,85	0,85	0,07
2.6	Đất chợ	0,90	0,07	0,67	1,57	0,12
2.7	Đất công trình năng lượng, công trình bưu chính, viễn thông	0,19	0,02	-0,04	0,15	0,01
3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	1,30	0,10	2,44	3,74	0,30
3.1	Đất cây xanh, công viên	0,00	0,00	1,86	1,86	0,15
3.2	Đất thể dục, thể thao	1,30	0,10	0,58	1,88	0,15
4	Đất tôn giáo, di tích, đình, đền	1,79	0,14	-0,03	1,76	0,14
5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh và đất bến bãi	21,15	1,68	50,42	71,57	5,68
6	Đất xây dựng các chức năng khác	0,60	0,05	31,18	31,78	2,52

STT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng		Tăng/ giảm (ha)	Quy hoạch	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
6.1	Đất thương mại, dịch vụ	0,46	0,04	7,83	8,29	0,66
6.2	Đất y tế	0,00	0,00	11,04	11,04	0,88
6.3	Đất phi nông nghiệp khác	0,14	0,01	12,31	12,45	0,99
7	Đất hạ tầng kỹ thuật	100,90	8,01	85,20	186,10	14,76
7.1	Đất giao thông, bãi đỗ xe	92,88	7,37	82,10	174,98	13,88
7.2	Đất xử lý chất thải rắn	0,95	0,08	0,33	1,28	0,10
7.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	7,07	0,56	1,25	8,32	0,66
7.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,00	0,00	1,52	1,52	0,12
8	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	68,59	5,44	12,49	81,08	6,43
9	Đất quốc phòng, an ninh	0,00	0,00	2,75	2,75	0,22
<b>III</b>	<b>Đất khác</b>	<b>69,35</b>	<b>5,50</b>	<b>-17,16</b>	<b>52,19</b>	<b>4,15</b>
1	Đất sông ngòi, kênh rạch và mặt nước chuyên dùng	68,10	5,40	-16,86	51,24	4,07
2	Đất chưa sử dụng (đất dự trữ phát triển)	1,25	0,10	-0,30	0,95	0,08

## 6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

### 6.1. Quy hoạch độ cao:

- Đảm bảo tiêu thoát nước nhanh, không ngập lụt vào mùa mưa, không làm ảnh hưởng đến việc tiêu, thoát nước hiện có của khu vực lân cận;

- Đảm bảo độ dốc thoát nước tự chảy theo tiêu chuẩn;

- Tận dụng đến mức cao nhất địa hình tự nhiên, hạn chế khối lượng đào đắp và hạn chế chiều cao đất đắp;

- Trên cơ sở cao độ của các tuyến đường trục xã và cao độ nền các lô đất trong các khu dân cư mới, khu trung tâm và các thôn hiện trạng, lựa chọn quy hoạch cao độ và độ dốc san nền như sau:

+ Cốt cao độ trung bình các thôn hiện có từ: +1,00m đến +2,00m;

+ Cao độ các tuyến đường giao thông thấp nhất: +1,00m, cao độ cao nhất +2,00m;

+ Độ dốc san nền: Đảm bảo thoát nước tự chảy  $i = 2\%$ .

### 6.2. Giao thông:

#### a) Giải pháp thiết kế:

- Hệ thống giao thông được tổ chức liên hoàn thuận tiện, bám sát địa hình tự nhiên, dọc theo các tuyến đường tổ chức hệ thống cây xanh cảnh quan, tạo bóng mát và không gian cảnh quan cho các tuyến đường;

- Các chỉ tiêu kỹ thuật của hệ thống giao thông nội bộ được thiết kế hợp lý,

để phục vụ việc đi lại của nhân dân và các phương tiện tham gia giao thông một cách dễ dàng, thuận tiện;

- Đảm bảo thuận lợi cho bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật dọc tuyến đường;

- Tận dụng tối đa hiện trạng, tránh phá dỡ nhiều công trình dân cư cũng như các cơ quan trong khu vực;

- Thiết kế quy hoạch giao thông đảm bảo các yêu cầu về kinh tế, kỹ thuật, tiêu chuẩn quy phạm, mỹ quan đô thị.

b) Quy mô thiết kế

- Giao thông đối ngoại, có 03 tuyến đường như sau:

- \* Đường Tỉnh 392 kết nối từ huyện Ninh Giang đến thị trấn Tứ Kỳ, chia làm 04 đoạn, cụ thể:

- + Đoạn hai bên đường giáp đất công nghiệp, mặt cắt 1-1, lộ giới đường 70,0m ((12,5m (đường gom) + 45,0m (nền đường và HLGTT) + 12,5m (đường gom));

- + Đoạn hai bên đường giáp dân cư thôn Quàn, mặt cắt 1C-1C, lộ giới đường 25m ((5,0m (vía hè) + 15,0m (nền đường) + 5,0m (vía hè));

- + Đoạn một bên đường giáp đất công nghiệp và bên còn lại giáp dân cư (thôn Quàn và thôn Vạn Tải), mặt cắt 1A-1A, lộ giới đường 47,5m (12,5m (đường gom) + 15,0m (HLGTT) + 20,0m (nền đường và vía hè));

- + Đoạn giáp dân cư thôn Vạn Tải và bên còn lại giáp đất dân cư quy hoạch, giáp đất công nghiệp, mặt cắt 1D-1D, lộ giới đường 55,0m (5,0m (vía hè) + 7,5m (đường gom) + 7,5m (cây xanh phân cách) + 15,0m (nền đường) + 7,5m (cây xanh phân cách) + 7,5m (đường gom) + 5,0m (vía hè));

- + Đoạn (nối đường dẫn Cầu Vạn) một bên đường giáp dân cư thôn Vạn Tải và bên còn lại giáp dân cư quy hoạch, mặt cắt 1B-1B, lộ giới đường 35,0m (5,0m (vía hè) + 15,0m (nền đường) + 15,0m (vía hè)).

- \* Tuyến tránh đường Tỉnh 392: Đầu nối với đường Tỉnh 392 tại Km33+500, đi thị trấn Tứ Kỳ và đầu nối với đường Tỉnh 391 tại Km19+790; chia làm 03 đoạn, cụ thể:

- + Đoạn giáp khu dân cư, mặt cắt 2-2, lộ giới đường 45,0m (16,5m (vía hè) + 12,0m (nền đường) + 16,5m (vía hè));

- + Đoạn giáp khu đất quy hoạch các dự án khác, mặt cắt 2A-2A, lộ giới đường 70,0m (12,5m (đường gom) + 45,0m (nền đường và HLGTT) + 12,5m (đường gom));

- + Đoạn giáp kênh thủy nông, mặt cắt 2B-2B, lộ giới đường 70,0m (12,5m (đường gom) + 45,0m (nền đường, HLGTT và 11,5m kênh xây hoàn trả) + 12,5m (đường gom)).

- \* Tuyến đường Huyện 191M kết nối từ xã Quang Khải đến thôn Cự Lộc, gồm 02 đoạn:

- + Đoạn đi qua giữa khu dân cư hiện trạng, mặt cắt 4-4, lộ giới đường quy hoạch là 32,0m (11,5m+9,0m+11,5m);

- + Đoạn quy hoạch khác, mặt cắt 4A-4A, lộ giới quy hoạch là 44,5m (11,5m+9,0m+11,5m+7,5m+5m).

- Giao thông nội bộ, bao gồm đường xã, đường thôn, đường ra đồng, cơ bản cải tạo và mở rộng trên cơ sở nền các tuyến đường hiện có; cụ thể:

+ Tuyến đường mặt cắt 3-3, lộ giới quy hoạch là 11,5m ( $2,0m+7,5m+2,0m$ );

+ Tuyến đường mặt cắt 5-5, lộ giới quy hoạch là 17,5m ( $5,0m+7,5m+5,0m$ );

+ Tuyến đường mặt cắt 7-7, lộ giới quy hoạch là 9,5m ( $2,0m+5,5m+2,0m$ );

+ Tuyến đường trên bờ kênh Bắc Hưng Hải, mặt cắt 8-8, lộ giới quy hoạch là 9,5m ( $2,0m+5,5m+2,0m$ );

+ Quy hoạch mới tuyến đường trục xã: Điểm đầu đầu nối với tuyến tránh đường Tỉnh 392 (tại điểm H: 1+450), điểm cuối kết nối đường liên thôn Cụ Lộ và thôn Sụ; mặt cắt 6-6, lộ giới quy hoạch là 20,5m ( $5,0m+10,5m+5,0m$ ).

### 6.3. Hệ thống cấp điện:

#### a) Nhu cầu sử dụng điện

- Dự báo phụ tải điện sinh hoạt: 7.251,8 kVA;

- Nhu cầu cấp điện phục vụ khác (=30% điện sinh hoạt) = 2.175,6 kVA;

Tổng nhu cầu sử dụng điện toàn xã đến năm 2030: 9.427,4kVA.

#### b) Nguồn điện

- Nguồn điện trung áp lấy tại nhánh 35kV lộ 376-E8.7 do Điện lực Tứ Kỳ quản lý;

- Đường dây hạ thế được bố trí đến các hộ gia đình của các thôn, xóm; đảm bảo cung cấp cho 100% số hộ trong xã được sử dụng điện;

- Hiện trạng xã có 12 trạm biến áp với tổng công suất 4.670 kVA.

#### c) Phương án cấp điện

- Đường dây 35KV: Toàn bộ đường dây trung thế truyền tải điện đến các trạm biến áp của xã đi nổi trên cột;

- Đường dây hạ thế và chiếu sáng:

+ Mạng lưới điện hạ thế đi nổi trên cột chạy dọc theo các tuyến giao thông đến các khu dân cư. Sử dụng cột điện bê tông li tâm cao 8,5m ÷ 10,5m;

+ Kết cấu lưới hạ thế 0,4KV theo mạng hình tia;

+ Bố trí chiếu sáng các đoạn đường trục chính có mặt cắt đường từ 4,0m trở lên;

+ Tuyến chiếu sáng trong các khu dân cư cũ, bố trí đi nổi kết hợp với cấp điện hạ thế;

+ Tại các khu dân cư mới hình thành, điện hạ thế và chiếu sáng đi ngầm dưới vỉa hè đường, đảm bảo mỹ quan.

#### d) Quy mô trạm biến áp phục vụ cấp điện

Dự kiến đến năm 2030 trên địa bàn xã quy hoạch thêm 02 trạm biến áp và nâng cấp công suất đáp ứng nhu cầu sử dụng; cụ thể như sau:

TT	Tên trạm biến áp	Cấp điện áp (KV)	Công suất (KVA)	Công suất nâng cấp (KVA)
1	TBA Minh Lộc	35/0,4	250	750
2	TBA Vạn Tải	35/0,4	250	750
3	TBA Úc Tải 1	35/0,4	320	750
4	TBA Úc Tải 2	35/0,4	250	750
5	TBA Đoàn Xá	35(22)/0,4	400	750
6	TBA Bơm Cự Lộc	35/0,4	560	560
7	TBA Bơm Minh Đức 3	35(22)/0,4	560	560
8	TBA Minh Lộc 2	35(22)/0,4	320	750
9	TBA Minh Đức 1	35(22)/0,4	400	750
10	TBA Minh Cường	35(22)/0,4	560	750
11	TBA Minh Đức 2	35/0,4	400	750
12	TBA Minh Đức 4	35(22)/0,4	400	750
13	TBA mới 1	35(22)/0,4		750
14	TBA mới 2	35(22)/0,4		750
<b>Tổng công suất (KVA)</b>			<b>4.670</b>	<b>10.120</b>

#### 6.4. Hệ thống thông tin liên lạc

a) Dự báo phát triển theo quy mô dân số: Dân số dự kiến đến năm 2030 là 18.679 người; mật độ điện thoại cố định (25 ÷ 30 thuê bao/100 người); tỷ lệ sử dụng Internet đạt 100%.

b) Quy hoạch phát triển:

- Các dịch vụ thông tin hiện đại, đường dây thông tin liên lạc chạy trên vỉa hè trục chính của xã;

- Xây dựng các tuyến rãnh cáp chính theo các trục giao thông chính và các trục giao thông khu vực đến các tủ cáp; sử dụng cáp quang luôn trong ống HDPE xoắn D110 đặt trong vỉa hè, đi ngầm dưới vỉa hè đường giao thông.

#### 6.5. Hệ thống cấp nước

a) Xác định mục đích sử dụng nước:

- Nước cấp cho sinh hoạt; nước phục vụ công cộng, dịch vụ; nước thải thoát;
- Tổng nhu cầu sử dụng nước đến năm 2030 là 4.255,44 (m<sup>3</sup>/ng.đ)

b) Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Sử dụng nguồn nước sạch của Nhà máy xử lý nước sạch Đông Kỳ do Chi nhánh kinh doanh nước sạch số 6 - Công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch Hải Dương cung cấp;

- Hệ thống đường ống cấp nước các trục chính có đường kính Φ110 mm, các trục nhánh có đường kính từ Φ63 mm;



- Thiết kế hệ thống cấp nước chữa cháy cho khu trung tâm và các khu dân cư hình thành mới (*đi kèm theo dự án*); cấp nước chữa cháy được thiết kế sử dụng chung với đường ống cấp nước sinh hoạt, đặt các trụ cứu hỏa trên mạng đường ống phân phối  $\Phi 110$ .

#### 6.6. Hệ thống thoát nước mưa

##### a) Hướng thoát nước:

Căn cứ vào địa hình, hướng thoát nước và hiện trạng các thôn, hệ thống thoát nước mưa chia làm 3 lưu vực chính:

- Lưu vực 1: Phía Bắc (*chủ yếu thuộc khu vực thôn Quàn, thôn Vạn Tài, thôn Phúc Lâm và thôn Trúc Vãn*) tiêu thoát ra kênh thủy nông giáp tuyến tránh đường Tỉnh 392 rồi tiêu thoát ra kênh Bắc Hưng Hải;

- Lưu vực 2: Khu vực thôn Cự Lộc thoát theo hướng Đông Bắc ra mương thủy nông đến Trạm bơm Cự Lộc và đổ ra kênh Bắc Hưng Hải;

- Lưu vực 3: Phía Đông của xã (*khu vực thôn Sự và thôn Mếp*), nước mặt thoát theo các kênh mương thủy lợi đến Trạm bơm Cự Lộc và đổ ra kênh Bắc Hưng Hải.

##### b) Giải pháp thiết kế mạng cống thoát nước:

- Hệ thống thoát nước được xây dựng chung cho cả nước mưa và nước thải đối với các khu vực dân cư nông thôn hiện trạng, thoát nước tự chảy;

- Bổ sung xây dựng tuyến cống thoát nước trong các khu dân cư, đảm bảo tiết diện thoát nước. Đường cống được bố trí dưới lòng đường, bố trí dọc theo các tuyến cống là các hố ga thu nước hàm ếch, để thu nước mặt của hệ thống đường giao thông;

- Đường cống thu nước mặt: Sử dụng cống tròn bê tông cốt thép có đường kính D400 – D800 kết hợp cống hộp (1x1)m – (2x2)m BTCT và mương xây, rãnh xây;

- Thường xuyên nạo vét bùn, cải tạo các kênh dẫn nước vào trạm bơm.

#### 6.7. Hệ thống thoát nước thải

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải đảm bảo thu gom hết các loại nước thải của các khu dân cư (*nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, kinh doanh, dịch vụ*), xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn rồi xả vào hệ thống thoát nước chung của xã. Lắp đặt hệ thống cống tròn bê tông cốt thép đường kính D300, độ dốc dọc đường cống từ 0,30% theo trục đường quy hoạch mới, đường trục xã và đường trục các thôn để thoát nước;

- Nước thải tại các khu dân cư mới được thiết kế riêng hoàn toàn; sau khi xử lý cục bộ tại bể tự hoại ở mỗi gia đình, được thoát ra hệ thống cống bê tông kín, rồi thu gom về khu xử lý tập trung (*dự kiến xây dựng trạm xử lý nước thải số 4, đặt tại cánh đồng Yếm, giai đoạn 2020-2030, công suất dự kiến 2.000m<sup>3</sup>/ngđ*);

- Nước thải sản xuất công nghiệp được thu gom và xử lý riêng, đảm bảo yêu cầu nguồn tiếp nhận trước khi xả.

#### 6.8. Các giải pháp bảo vệ môi trường

- Phân loại rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình; bố trí diện tích cây xanh cách ly giữa cụm công nghiệp, khu nghĩa trang, nghĩa địa và khu dân cư;

- Giữ gìn đất mặt có khả năng canh tác của khu vực chưa sử dụng; phủ xanh các khu vực đất trống;

- Các giải pháp công nghệ, kỹ thuật bảo vệ môi trường, xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, nơi tập kết rác cho từng thôn và xử lý rác chung cho toàn xã;

- Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt cho 100% dân cư.

## **7. Đánh giá môi trường chiến lược**

### **7.1. Hiện trạng môi trường**

Xã Minh Đức được quy hoạch sản xuất công nghiệp, nông nghiệp cây lúa và trồng rau màu là chính. Hiện trạng cây lúa, trồng cây rau màu đang sử dụng rất nhiều các loại phân bón hóa chất và thuốc bảo vệ thực vật, hoạt động chăn nuôi sử dụng nhiều thức ăn công nghiệp; kết hợp với nguồn chất thải của các cơ sở sản xuất công nghiệp là nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi trường đất và nguồn nước mặt.

Do vậy, hiện trạng môi trường nước mặt, nước ngầm; môi trường không khí, tiếng ồn; môi trường đất đang bị suy giảm và ô nhiễm.

### **7.2. Định hướng quy hoạch giảm thiểu tác động môi trường**

Mục tiêu và định hướng quy hoạch xã Minh Đức đến năm 2030 là nghiên cứu các biện pháp nhằm cải thiện chất lượng môi trường, giảm thiểu mức thấp nhất các tác động môi trường.

Thực hiện các biện pháp cụ thể để loại bỏ, giảm bớt các tác động tiêu cực liên quan đến môi trường trong phạm vi quy hoạch chung.

Tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng, hỗ trợ thực hiện công tác bảo tồn, quản lý chất thải, công tác bảo vệ môi trường đối với các khu dân cư; xây dựng mô hình tổ chức, quản lý, thu gom và vận chuyển rác; khuyến khích sử dụng phương tiện giao thông công cộng, các nguồn năng lượng, nhiên liệu sạch.

Lồng ghép các quy chuẩn về chất lượng môi trường, thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với các dự án xây dựng khu dân cư mới, khu tái định cư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong khu vực.

Bảo vệ nguồn nước trong khu vực nghiên cứu quy hoạch, gồm nước mặt kênh Bắc Hưng Hải, ao hồ, kênh mương thủy lợi; quan trắc thực tế, kiểm soát, giám sát chất lượng môi trường nước trong quá trình phát triển đô thị. Hạn chế phát triển đô thị, cơ sở công nghiệp tại khu vực nhạy cảm môi trường.

Bảo vệ không gian các công trình di tích, văn hóa truyền thống; trong đó có phong tục tập quán, lễ hội truyền thống.

### **7.3. Các giải pháp quản lý, kỹ thuật bảo vệ môi trường**

#### **a) Bảo vệ môi trường**

- Quy hoạch sử dụng đất ở dân cư theo định hướng dân cư đô thị, phân bố hợp lý các khu dân cư, đảm bảo khoảng cách hợp lý với các khu vực nhạy cảm;

- Thiết kế, xây dựng hệ thống cấp nước và thoát nước thải, xử lý chất thải rắn và khí thải. Rà soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường để từng bước có biện pháp xử lý;

- Phát triển không gian cảnh quan cây xanh, tạo điều kiện cải thiện môi trường nghỉ ngơi cho người dân.

b) Khai thác, sử dụng tổng hợp có hiệu quả tài nguyên nước

- Điều tra, nghiên cứu, khai thác nguồn nước sông Vạn, thiết kế xây dựng các công trình thủy lợi nhỏ và vừa, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước trong tương lai;
- Xử lý các nguồn nước thải gây ô nhiễm trong các hoạt động tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp. Xử lý bùn đất, rác thải tồn đọng ở các khu vực sông quan trọng, các đoạn kênh mương phục vụ sản xuất nông nghiệp.

c) Các giải pháp về chính sách quản lý môi trường: Tăng cường phổ biến, tuyên truyền pháp luật, nâng cao nhận thức cho nhân dân về môi trường. Kiểm soát và hướng dẫn thực thi pháp luật về môi trường thường xuyên, có hiệu quả; xử lý sai phạm phải kịp thời và kiên quyết.

### **8. Các dự án ưu tiên, giải pháp huy động nguồn lực**

Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư cho các giai đoạn, để thực hiện quy hoạch, đáp ứng yêu cầu phát triển, được chia thành 2 giai đoạn năm 2021- 2025 và 2025 - 2030.

*(Nội dung quy hoạch, các chỉ tiêu chi tiết tại hồ sơ thuyết minh và phương án quy hoạch kèm theo).*

### **III. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch:**

Nội dung chi tiết theo Quy định quản lý đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ đến năm 2030, do Trung tâm Quy hoạch đô thị và nông thôn lập, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện thẩm định kèm theo.

**Điều 2.** Giao UBND xã Minh Đức chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức công bố quy hoạch được duyệt, đảm bảo đúng thời gian theo quy định; thực hiện việc cắm mốc, quản lý quy hoạch theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính – Kế hoạch huyện; Chủ tịch UBND xã Minh Đức; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
  - Thường trực Huyện ủy;
  - Thường trực HĐND huyện;
  - Chủ tịch, các PCT. UBND huyện;
  - Lưu: VT, KTHT.
- } (để báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đào Văn Soái**